TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2017/DS-PT
Ngày: 22-9-2017
V/v: "Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Cao Văn Hiếu**

Các thẩm phán: Ông **Ngô Hà Nam**

Bà **Nguyễn Thị Hạnh**

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông **Nguyễn Hữu Hưng** – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 24/2017/TLPT-DS ngày 05 tháng 6 năm 2017 về việc: "Yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật"

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2017/DS-ST ngày 25 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận S bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2017/QĐ-PT ngày 01 tháng 8 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa phiên tòa phúc thẩm số: 48/2017/QĐ-PT ngày 23 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H – Sinh năm 1950. Địa chỉ: đường P, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

Đồng bị đơn:

Bà Phạm Thị B – Sinh năm 1946. Địa chỉ: phường H, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

Bà Phạm Thị Xuân Đ1 - Sinh năm 1968. Địa chỉ: phường H, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

Bà Phạm Thị Xuân L - Sinh năm 1972. Địa chỉ: phường H, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị H1 – Sinh năm 1938. Vắng mặt

Bà Phạm Thị Xuân Đ2 – Sinh năm 1976. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: 55 Vũ Chí Thắng, phường Nghĩa Xá, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

Bà Phạm Thị S – Sinh năm 1944 (Đã có quyết định tuyên bố mất tích)

Ủy ban nhân dân phường H. Địa chỉ: đường Hoàng Bình C, phường H, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ: đường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

Người làm chứng:

Ông Phạm Văn H. Trú tại: phường H, quận S, TP. Đà Nẵng. Vắng mặt

Bà Trần Thị C, sinh năm 1931. Trú tại: phường H, quận S, TP. Đà Nẵng. Vắng mặt

Người kháng cáo: Bà Phạm Thị H – Nguyên đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, vụ án có nội dung như sau:

* *Nguyên đơn – bà Phạm Thị H trình bày:*

Mẹ tôi là bà Trương Thị C1, sinh năm 1919 có quan hệ vợ chồng và sống chung với cha tôi là ông Phạm Ngọc Tr từ năm 1947. Hai người sinh được ba người con là Phạm Thị M, Phạm C và tôi là Phạm Thị H. Năm 1954 bà M chết. Năm 1968 ông C hy sinh. Hai người đều chưa có vợ, chồng và con.

Ngoài mẹ tôi, cha tôi có Th 03 người vợ khác là bà Mai Thị H3 (chết năm 1950), bà Lê Thị Đ3 (chết năm 1968) và bà Nguyễn Thị H1 hiện còn sống.

Giữa cha tôi và bà H3 có 06 người con chung là Phạm Thị Th, Phạm Thị B, Phạm Văn B (tên gọi khác: Đính) nhưng chết lúc nhỏ, Phạm Văn T hy sinh năm 1967 chưa có vợ, con; Phạm Thị S (hiện đã mất tích) và Phạm Thị B.

Giữa cha tôi và bà Lê thị Đ3 có một người con chung là Phạm Thị Xuân Đ1.

Giữa cha tôi và bà Nguyễn Thị H1 có 02 người con chung là bà Phạm Thị Xuân L và Phạm Thị Xuân Đ2.

Quá trình chung sống giữa cha và mẹ tôi có tạo lập được tài sản chung là nhà và đất, nhưng giặc Pháp đã phá hủy toàn bộ. Năm 1954, cha tôi tập kết ra B và cưới 02 người vợ là bà Lê Thị Đ3 và Nguyễn Thị H1. Mẹ tôi ở nhà tạo lập được đất và nhà tại thôn T, xã Hòa Hải, huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng với diện tích 1.509,1 m^2 tại thửa số 73, tờ bản đồ số 179, nay thuộc tổ 44 (cũ), phường H, quận S, thành phố Đà Nẵng. Do đất và nhà của mẹ tôi nằm trong diện giải tỏa bị thu hồi theo Quyết định số 16445 ngày 19.6.2004 của UBND thành phố Đà Nẵng và được bố trị 03 lô đất tái định cư tại lô số 05 khu B2.30, lô số 08 khu B2.29, lô số 09 khu B2.29 cùng đường 5,5m. Đây là tài sản riêng của mẹ tôi, không liên của đến cha tôi là ông Tr và bất kỳ vợ, con nào khác của ông Tr. Năm 1985, ông Tr chết. Năm 2008 mẹ tôi chết. Khi chết mẹ tôi không để lại di chúc.

Do hàng thừa kế thứ nhất của mẹ tôi (bà C1) đều chết trước khi mẹ tôi chết, còn lại một mình tôi nên tôi là người thừa kế duy nhất. Tuy nhiên, UBND phường H xác nhận bà L, bà Đ1 và bà B là con của bà Trương Thị C1 nên đã xảy ra tranh chấp tài sản thừa kế với tôi. Do đó, tôi không làm được thủ tục khai nhận di sản thừa kế của mẹ tôi.

Do đó, tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án xác nhận 03 lô tại lô số 05 khu B2.30, lô số 08 khu B2.29, lô số 09 khu B2.29 cùng đường 5,5m là tài sản của bà C1 trước khi chết để lại và chia thừa kế 03 lô đất trên cho người thừa kế duy nhất là tôi (Phạm Thị H).

Bị đơn:

- Bà Phạm Thị B trình bày: Ông Phạm Ngọc Tr (chết năm 1985) có 4 người vợ theo thứ tự gồm: bà Mai Thị H3 (chết năm 1950) là mẹ của bà B, bà Trương Thị C1 (chết năm 2008), bà Lê Thị Đ3 (chết năm 1968) và bà Nguyễn Thị H1 hiện còn sống. Năm 1950, sau khi mẹ bà mất thì ông Tr cưới bà C1 nên tôi cùng với 03 anh chị em gồm bà Phạm Thị S (mất tích), tôi và ông Phạm T (hi sinh) ở với bà C1 đến khi tôi có chồng và ra ở riêng.

Giữa ông C1 và bà H3 có 06 người con chung là Phạm Thị Th, Phạm Thị B, Phạm Văn B (tên gọi khác: Đính) nhưng chết lúc nhỏ, Phạm văn T hy sinh năm 1967 chưa có vợ, con; Phạm Thị S (hiện đã mất tích) và bà Phạm Thị B.

Giữa ông Tr và bà C1 có ba người con là Phạm Thị M (chết năm 1954), Phạm C (hy sinh năm 1968) và Phạm Thị H.

Giữa cha tôi và bà Lê thị Đ3 có một người con chung là Phạm Thị Xuân Đ1.

Giữa cha tôi và bà Nguyễn Thị H1 có 02 người con chung là bà Phạm Thị Xuân L và Phạm Thị Xuân Đ2.

Nguồn gốc tài sản thừa kế trước đây là của ông nội tôi là Phạm Văn Rì tạo lập nên, sau khi ông Tr và bà H3 cưới nhau đã về sống chung trên mảnh đất trên. Đến năm 1950, bà H3 chết. Ông Tr lấy bà C1 và chị em tôi sống chung với bà C1 từ nhỏ đến lớn tại mảnh đất này. Năm 1954, ông C1 tập kết ra B và lấy vợ là bà Lê Thị Đ3 và bà Nguyễn Thị H1. Năm 1976, ông C1 về địa phương và sống chung với bà C1 cho đến lúc chết năm 1985).

Sau khi về sống với bà C1, ông Tr đã kê khai diện tích đất trên theo Chỉ thị số 299/TTg năm 1980 thể hiện tại thửa số 162, tờ bản đồ số 7, với diện tích 700m^2. Sau khi ông Tr chết, bà C1 tiếp tục quản lý, sư dụng và kê khai lại diện tích đất trên theo Nghị định số 64/CP và được cấp lại tại thửa số 73, tờ bản đồ số 179 với diện tích 1.509,1 m^2 thuộc tổ 44 (cũ), phường H, quận S, thành phố Đà Nẵng. Năm 2004, đất và nhà trên bị giải tỏa thu hồi và được bố trị 03 lô đất tái định cư tại lô số 05 khu B2.30, lô số 08 khu B2.29, lô số 09 khu B2.29 cùng đường 5,5m và số tiền giải tỏa khoảng 380.000.000 đồng.

Nay tôi yêu cầu Tòa án chia theo pháp luật 03 lô đất trên và số tiền giải tỏa đền bù vật kiến trúc còn lại đồng thời xem xét chia cho tôi có 01 lô đất để làm nhà thờ, để thờ ông bà cha mẹ tôi. Vì gia đình tôi không còn con trai để lo thờ phụng ông bà.

Đối với phần di sản bà S được hưởng tôi nhận trách nhiệm tạm thời quản lý trong thời gian bà S mất tích.

- Bà Phạm Thị Xuân Đ1 trình bày: Tôi xác nhận và thống nhất về quan hệ huyết thống, hàng thừa kế, nguồn gốc tạo lập tài sản và di sản ông Tr như lời trình bày của bà Phạm Thị B trên là đúng. Tôi là con chung duy nhất của ông Phạm Ngọc Tr và bà Lê Thị Đ3 (chết năm 1968). Năm 1976 cha tôi ông Phạm Ngọc Tr đưa tôi về chung sống với bà C1. Tôi xem bà C1 như mẹ ruột của mình và ở với bà C1. Đến năm 1985 cha tôi mất nhưng tôi vẫn ở với bà C1 đến khi tôi có gia đình mới ra ở riêng.

Về nguồn gốc tài sản: ông Tr kê khai theo chỉ thị 299/TTg năm 1980 thể hiện tại thửa 162, tờ bản đồ số 7, với diện tích 700m^2. Sau khi ông Tr chết, bà C1 tiếp tục quản lý, sử dụng và kê khai lại diện tích đất trên theo Nghị định 64/CP và được cấp lại tại thửa 73, tờ bản đồ 179 với diện tích 1.509,10m^2 tọa lạc ở tổ 44 (cũ) trong đó có phần đóng góp của chị em tôi gồm tôi và bà L đang ở chung với mẹ là bà C1 có khai phá Th, bà H có chồng nên ở riêng. Sau đó đã giải tỏa nhà nước đền bù 03 lô số 05 khu B2.30, số 08 khu B2.29, số 09 khu B2.29 cùng đường 5,5m và số tiền

đền bù trên 380.000.000 đồng là tài sản chung của cha tôi và bà C1 để lại do đó bà H không có quyền được thừa hưởng toàn bộ, nên bà H yêu cầu được thừa hưởng toàn bộ 03 lô đất trên thì tôi không đồng ý.

Nay nguyện vọng của tôi là xin nhận chung một lô đất đẻ làm nhà thờ cúng ông bà, cha mẹ và số tiền giải tỏa đền bù vật kiến trúc còn lại chia theo pháp luật.

Đối với phần di sản bà S được hưởng tôi đồng ý tạm thời giao cho bà B quản lý trong thời gian bà S mất tích.

- Bà Phạm Thị Xuân L trình bày: Tôi xác nhận và thống nhất về quan hệ huyết thống, hàng thừa kế, nguồn gốc tạo lập tài sản và di sản ông Tr như lời trình bày của bà Phạm Thị B, bà Phạm Thị Xuân Đ1 trên là đúng. Khi bà Đ3 chết, cha tôi cưới mẹ tôi là bà Nguyễn Thị H1, giữa hai người sinh được hai người con là tôi và bà Phạm Thị Xuân Đ2.

Về nguồn gốc 03 lô tái định cư số 05 khu B2.30, số 08 khu B2.29, số 09 khu B2.29 cùng đường 5,5m là tài sản chung của cha tôi và bà C1 để lại. Vì khoảng năm 1976 cha tôi ông Phạm Ngọc Tr đưa tôi về chung sống với bà C1, tôi xem bà C1 như mẹ ruột của mình và ở với bà C1 đến năm 1985 cha tôi mất nhưng tôi vẫn ở với bà C1 đến khi tôi có chồng năm 1995 nên đã ở riêng. Do đó bà H không có quyền được thừa hưởng toàn bộ, nên bà H yêu cầu được thừa kế toàn bộ 03 lô đất trên thì tôi không đồng ý.

Trước khi chết cha tôi không để lại di chúc, ông bà nội cũng đã chết trước khi cha tôi chết nên tôi yêu cầu Tòa án chia 03 lô đất trên của ông Tr cho những người thừa kế còn lại.

Nay nguyện vọng của tôi là xin nhận chung một lô đất để làm nhà thờ cúng ông bà, cha mẹ và số tiền bồi thường tái định cư còn lại chia theo pháp luật.

Đối với phần di sản bà S được hưởng tôi đồng ý tạm thời giao cho bà B quản lý trong thời gian bà S mất tích.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị H1 và bà Phạm Thị Xuân Đ2 trình bày:

Ông Phạm Ngọc Tr và bà Nguyễn Thị H1 đã kết hôn và chung sống cùng nhau từ năm 1971 đến năm 1976, được sự tổ chức của cơ quan thực phẩm Hồng Bàng, Hải Phòng, nhưng không có đăng ký kết hôn, ông Tr và bà H1 có 02 người con chung là Phạm Thị Xuân L và Phạm Thị Xuân Đ2. Hiện nay bà Phạm Thị H yêu cầu Tòa án chia thừa kế 03 lô đất tái định cư gồm lô số 05 khu B2.30: lô số 08 khu B2.29 và lô số 09 khu B2.29 cùng đường 5,5m thuộc khu tái định cư T, phường H, quận S, thành phố Đà Nẵng của ông Phạm Ngọc Tr và bà Trương Thị

C1 để lại. Theo chúng tôi được biết khu đất đó có nguồn gốc là của bố mẹ ông Tr để lại. Sau khi nhà nước thu hồi đất làm khu tái định cư thì đền bù cho gia đình bà 03 lô đất trên. Quan điểm chung của chúng tôi là tài sản chung của gia đình chúng tôi gồm có: Bà Nguyễn Thị H1, bà Phạm Thị B, bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị Xuân Đ1, bà Phạm Thị Xuân L, bà Phạm Thị S (mất tích) và bà Phạm Thị Xuân Đ2. Chúng tôi yêu cầu tòa án giải quyết cho gia đình chúng tôi sử dụng 03 lô đất trên vào mục đích thờ cúng, không chia cụ thể cho ai.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Phạm Thị B, bà Phạm Thị Xuân Đ1 và bà Phạm Thị Xuân L thống nhất, nếu được nhận đất thì bà Đ1 và bà L giao cho bà B trực tiếp quản lý, sử dụng lô đất, bà Đ1 và bà L không nhận phần di sản được chia mà đồng ý giao lại cho bà B được hưởng. Đối với số tiền đền bù vật kiến trúc và cây cối, H màu còn lại của bà C1 là 211.658.910 đồng, bà B, bà Đ1 và bà L không yêu cầu chia.

Với nội dung vụ án như trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2017/DS-ST ngày 25 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận S áp dụng các Điều 69, 623, 649, 651 Bộ luật dân sự 2005, quyết định:

- Chấp nhận một phần đơn khởi kiện tranh chấp chia thừa kế của bà Phạm Thị H đối với di sản của ông Phạm Ngọc Tr và bà Trương Thị C1.

- Công nhận sự tự nguyện cho kỷ phần di sản thừa kế được chia của bà Phạm Thị Xuân L và bà Phạm Thị Xuân Đ1 cho bà Phạm Thị B được quyền quản lý, sử dụng.

Tuyên xử:

1. Bà Phạm Thị H được chia:

- 02 lô đất gồm:

+ Lô đất số 05 khu B2.30 đường 5,5m, diện tích 90m^2 (dài 18m rộng 5m), tại đường C7, thuộc khu tái định cư T, phường H, quận S, TP Đà Nẵng (theo tứ cận: B giáp đường 5,5m; Nam giáp mương thoát nước; Đông giáp lô số 06; Tây giáp lô số 04), theo biên bản giao nhận đất số 902/BBGĐ ngày 08/11/2012 của Ban quản lý dự án hạ tầng giao thông đô thị thuộc Sở giao thông vận tải TP Đà Nẵng. Trị giá: 240.120.000 đồng.

+ Lô đất số 08 khu B2.29 đường 5,5m, diện tích 90m^2 (dài 18m rộng 5m), tại đường TM, thuộc khu tái định cư T, phường H, quận S, TP Đà Nẵng (theo tứ cận: B giáp đường 5,5m; Nam giáp mương thoát nước; Đông giáp lô số 09; Tây giáp lô số 07), theo biên bản giao nhận đất số 900/BBGĐ ngày 08/11/2012 của Ban quản

lý dự án hạ tầng giao thông đô thị thuộc Sở giao thông vận tải TP Đà Nẵng. Trị giá: 240.120.000 đồng.

Giá trị 02 lô đất là: 480.240.000 đồng

- Tiền đền bù vật kiến trúc và cây cối H màu còn lại là: 211.658.910 đồng. * Tổng cộng là: 691.898.910 đồng.

2. Bà Phạm Thị B được chia: 01 lô đất số 09 khu B2.29 đường 5,5m, diện tích 90m^2 (dài 18m rộng 5m), tại đường TM, thuộc khu tái định cư T, phường H, quận S, TP Đà Nẵng (theo tứ cận B giáp đường 5,5m; Nam giáp mương thoát nước; Đông giáp lô số 10; Tây giáp lô số 08), theo biên bản giao nhận đất số 901/BBGĐ ngày 08/11/2012 của Ban quản lý dự án hạ tầng giao thông đô thị thuộc Sở giao thông vận tải TP Đà Nẵng. Trị giá: 240.120.000 đồng Bà B được hưởng 03 phần là 90.045.000 đồng.

Buộc bà Phạm Thị B phải có nghĩa vụ thối trả tiền chênh lệnh tài sản cho bà Hòa, bà S, bà H1 và bà Đ2, cụ thể:

- Bà Phạm Thị H: 60.030.000 đồng.

- Bà Phạm Thị S: 30.015.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị H1: 30.015.000 đồng.

- Bà Phạm Thị Xuân Đ2: 30.015.000 đồng.

Bà Phạm Thị B được tiếp tục quản lý số tiền 30.015.000 đồng của bà Phạm Thị S.

3. Bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị B có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở đối với các lô đất được chia theo quy định của pháp luật.

4. Buộc bà Phạm Thị B phải trả cho bà Phạm Thị H 527.373 đồng;

5. Bà Phạm Thị S (do bà Phạm Thị B nộp thay), bà Nguyễn Thị H1 và bà Phạm Thị Xuân Đ2 mỗi người phải trả cho bà Phạm Thị H 175.791 đồng, lệ phí thẩm định giá tài sản.

6. Bác yêu cầu của bà Phạm Thị H đối với phần di sản tương ứng với số tiền 180.090.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 27.4.2017, bà Phạm Thị H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xem xét lại bản án, công nhận 03 lô

đất số 05,08,09 là di sản của bà C1 để lại và chia cho người thừa kế duy nhất là bà Phạm Thị H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hòa sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Phạm Ngọc Tr (chết năm 1985) có 04 người vợ theo thứ tự, gồm: (i) Bà Mai Thị H3 (chết năm 1950), có với nhau 06 người con chung, gồm: Phạm Thị Th, Phạm Văn B, Phạm Văn B đã chết lúc còn nhỏ; Phạm Văn T hy sinh năm 1967 chưa có vợ, con; Phạm Thị S (bị tuyên bố mất tích năm 2016) và bà Phạm Thị B; (ii) Bà Trương Thị C1 (chết năm 2008), có với nhau có 03 người con chung, gồm: Phạm Thị M chết năm 1954, Phạm C chết năm 1968 và Phạm Thị H (là nguyên đơn); (iii) Bà Lê Thị Đ3 (chết năm 1968), có 01 một người con chung là Phạm Thị Xuân Đ1; (iiii) Bà Nguyễn Thị H1 (hiện còn sống) có 02 người con chung là bà Phạm Thị Xuân L và bà Phạm Thị Xuân Đ2. (iii). (hiện còn sống) có 02 người con chung là bà Phạm Thị Xuân L và bà Phạm Thị Xuân Đ2.

[2] Ông Phạm Ngọc Tr là bộ đội trong thời kỳ chiến tranh. Lúc sinh sống tại địa phương đã có vợ là bà H3, bà C1. Năm 1954 ông Tr tập kết ra B và tiếp tục có Th 02 người vợ là Đ3 và bà H1. Căn cứ thông tư số 60/TATC ngày 22/02/1978 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn giải quyết các việc tranh chấp về hôn nhân và gia đình của cán bộ, bộ đội có vợ, có chồng trong Nam, tập kết ra B lấy vợ, lấy chồng khác thì những người vợ trên của ông Tr đều được pháp luật thừa nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự đều thống nhất với nhau về quan hệ huyết thống, hàng thừa kế. Như vậy, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Tr được hưởng di sản của ông Tr gồm có: Bà Trương Thị C1, bà Nguyễn Thị H1, bà Phạm Thị B, bà Phạm Thị S, bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị Xuân Đ1, bà Phạm Thị Xuân L và bà Phạm Thị Xuân Đ2. Người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Trương Thị C1 được hưởng di sản thừa kế của bà C1 là bà Phạm Thị H.

[3] Sinh thời ông Tr là người sống tại phường H, quận S, TP. Đà Nẵng. Sau khi lập gia đình với bà H3 thì sinh sống trên thửa đất mà các bên hiện đang tranh chấp. Sau khi bà H3 chết, ông Tr lấy bà C1 là vợ hai. Năm 1954, bà C1 ở lại địa phương tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất này còn ông Tr tập kết ra B. Năm 1976 ông Tr về lại địa phương cùng bà C1 sinh sống trên thửa đất này. Năm 1980, ông

Tr kê khai theo chỉ thị 299/TTg năm 1980 thể hiện tại thửa 162, tờ bản đồ số 7, với diện tích 700m^2 tọa lạc ở tổ 44 (cũ) phường H, quận S, TP. Đà Nẵng. Sau khi ông Tr chết vào năm 1985, bà C1 tiếp tục quản lý, sử dụng và kê khai lại theo Nghị định 64/CP là thửa đất số 81, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.100m^2 đất thổ cư, theo biên bản xác minh cũng như trích lục tờ bản đồ số 14 được UBND phường H xác nhận ngày 16/4/2012. Như vậy có đủ cơ sở xác định 700m^2 thuộc thửa 162, tờ bản đồ số 7 do ông Tr kê khai theo chỉ thị 299/TTg năm 1980 là tài sản chung của ông Tr và bà C1. Diện tích đất 400^2 phát sinh Th trong diện tích 1.100m^2 do bà C1 kê khai theo Nghị định 64/CP sau khi ông Tr qua đời nên là tài sản riêng của bà C1.

[4] Năm 2004, Uỷ ban nhân dân TP Đà Nẵng có Quyết định số 16445/QĐ-UBND ngày 19/6/2004 về việc thu hồi đất, giải tỏa nhà đất trên, giao cho Ban quản lý Dự án Sơn Trà – Điện Ngọc sử dụng để xây dựng khu tái định cư T, phường H, quận S, TP Đà Nẵng và bố trí 03 lô đất tái định cư đường 5,5m gồm: Lô số 05 khu B2.30; số 08 khu B2.29; số 09 khu B2.29 tại khu tái định cư T, phường H, quận S, thành phố Đà Nẵng và đền bù vật kiến trúc và cây cối H màu trên đất với số tiền là 333.401.910 đồng.

[5] Ba lô đất tái định cư được bố trí lại do thu hồi 1.100m^2, trong đó có 700m^2 là tài sản chung của ông Tr và bà C1 và 400^2 là tài sản riêng của bà C1. Như vậy, tương ứng với phần tài sản chung của ông Tr và bà C1 được bố trí lại là 02 lô đất và phần tài sản riêng của bà C1 được bố trí lại là 01 lô đất. Do đó, việc bà H cho rằng 03 lô đất tái định cư số 05 khu B2.30; số 08 khu B2.29; số 09 khu B2.29 cùng đường 5,5m tại khu tái định cư T, phường H là tài sản riêng của bà C1 không liên quan đến ông Tr và bất kỳ vợ con nào của ông Tr là không có cơ sở.

[6] Theo kết quả thẩm định giá tài sản ngày 24/3/2015 thì mỗi lô có giá trị là 240.120.000 đồng. Tổng cộng 03 lô đất là 720.360.000 đồng. Các bên đương sự thống nhất với kết quả định giá này.

[7] Theo Công văn số 11439/TTPTQĐ ngày 01/12/2016 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng thì ngoài 03 lô đất tái định cư nêu trên bà Phạm Thị H đã nhận số tiền giải tỏa đền bù là 333.401.910 đồng. Sau đó bà H đã nộp tiền sử dụng đất tái định cư với số tiền là: 121.743.000 đồng, để nhận chuyển nhượng 03 lô đất số 05 khu B2.30; số 08 khu B2.29; số 09 khu B2.29 cùng đường 5,5m tại khu tái định cư T, phường H, quận S. Số tiền còn lại 211.658.910 đồng bà H đang giữ. Đây là tiền đền bù vật kiến trúc và cây cối H màu trên đất trong quá trình bà C1 quản lý, sử dụng nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền này là di sản của bà C1 là thỏa đáng.

[8] Tài sản chung của ông Tr và bà C1 để lại gồm 02 lô đất tái định cư, trị giá là 480.240.000 đồng, nên di sản của ông Tr, bà C1 để lại mỗi người là 01 lô đất, trị giá là 240.120.000 đồng. Các đồng thừa kế được hưởng di sản của ông Tr gồm 08

người là bà C1, bà H1, bà B, bà S, bà H, bà Đ1, bà L và bà Đ2 nên mỗi người được nhận kỷ phần thừa kế là (240.120.000 đồng : 8) = 30.015.000 đồng (Ba mươi triệu không trăm M lăm ngàn đồng)

[9] Di sản riêng của bà C1 để lại gồm 01 lô đất tái định cư trị giá 240.120.000 đồng, ½ tài sản chung với ông Tr là 01 lô đất có giá trị là 240.120.000, 01 kỷ phần thừa kế của ông Tr trị giá 30.015.000 đồng và số tiền đền bù vật kiến trúc và cây cối hoa màu trên đất còn lại là 211.658.910 đồng. Tổng giá trị là: 721.913.910 đồng. Bà H là người thừa kế duy nhất của bà C1 nên được hưởng toàn bộ phần di sản thừa kế này. Ngoài ra, bà Hòa còn được 01 kỷ phần thừa kế của ông Tr như nêu trên, trị giá 30.015.000 đồng. Như vậy, tổng cộng bà H được hưởng thừa kế của bà C1 và ông Tr là: (721.913.910 đồng + 30.015.000 đồng) = 751.928.910 (B trăm năm mươi mốt triệu C trăm hai mươi tám ngàn C trăm M đồng)

[10] Quá trình giải quyết vụ án, bà B, bà L và bà Đ1 đều có nguyện vong xin được nhận 01 lô đất để xây dựng nhà làm nơi thờ tự ông bà, cha me. Bà L và bà Đ1 cũng thống nhất để cho bà B được nhận kỷ phần của các bà và quản lý kỷ phần của bà S trong thời gian bà S mất tích, được đứng tên trên lô đất sử dụng làm nhà thờ. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của bà B, bà L và bà Đ1 là có cơ sở, phù hợp với pháp luật, không trái đáo đức xã hội. Do vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử chia cho bà H 02 lô đất (số 05 và số 08), 02 kỷ phần trị giá 60.030.000 đồng do bà B thối trả và số tiền đền bù vật kiến trúc và cây cối H màu trên đất còn lại là 211.658.910 đồng; chia cho bà B lô đất số 09 và bà B có trách nhiệm thối trả giá trị những kỷ phần còn lại cho bà H là 02 kỷ phần (60.030.000 đồng), bà H1, bà Đ2 và bà S mỗi người một kỷ phần (30.015.000 đồng) là có căn cứ, hợp lý, hợp tình.

[11] Bản án sơ thẩm căn cứ vào kết quả thẩm định giá đất đang tranh chấp do Công ty cổ phần thẩm định giá & dịch vụ tài chính Đà Nẵng xác định là: 2.668.000đ/m^2 x 270m^2 = 720.360.000 đồng để làm căn cứ tính án phí và buộc các đương sự hoàn trả cho bà H lệ phí thẩm định giá tài sản tương ứng phần giá trị được hưởng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[12]Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của bà Phạm Thị H là không có cơ sở để chấp nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[13] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tuyên: không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2017/DS-ST ngày 25 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận S, thành phố

Đà Nẵng. Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng là có cơ sở, phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[14] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm các đương sự phải chịu theo giá ngạch của phần giá trị tài sản được hưởng. Án phí dân sự phúc thẩm bà H phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004373 ngày 09.5.2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S. Như vậy, bà H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 69, Điều 623, Điều 649, Điều 651, Điều 660 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về thu án phí, lệ phí tòa án.

Căn cứ Thông tư số 60/TATC ngày 22/02/1978 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn giải quyết các việc tranh chấp về hôn nhân và gia đình của cán bộ, bộ đội có vợ, có chồng trong Nam, tập kết ra B lấy vợ, lấy chồng khác

Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2017/DS-ST ngày 25 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu chia thừa kế của bà Phạm Thị H đối với di sản của ông Phạm Ngọc Tr và bà Trương Thị C1.

2. Công nhận sự tự nguyện cho kỷ phần di sản thừa kế được chia của bà Phạm Thị Xuân L và bà Phạm Thị Xuân Đ1 cho bà Phạm Thị B được nhận.

3. Bà Phạm Thị H được chia thừa kế gồm:

(i) 02 lô đất:

- Lô đất số 05 khu B2.30 đường 5,5m, diện tích 90m^2 (dài 18m rộng 5m), tại đường C7, thuộc khu tái định cư T, phường H, quận S, TP Đà Nẵng (theo tứ cận: B giáp đường 5,5m; Nam giáp mương thoát nước; Đông giáp lô số 06; Tây giáp lô số 04), Theo biên bản giao nhận đất số 902/BBGĐ ngày 08/11/2012 của Ban quản lý dự án hạ tầng giao thông đô thị thuộc Sở giao thông vận tải thành phố Đà Nẵng.

- Lô đất số 08 khu B2.29 đường 5,5m, diện tích 90m^2 (dài 18m rộng 5m), tại đường TM, thuộc khu tái định cư T, phường H, quận S, TP Đà Nẵng (theo tứ cận: B giáp đường 5,5m; Nam giáp mương thoát nước; Đông giáp lô số 09; Tây giáp lô số 07), theo biên bản giao nhận đất số 900/BBGĐ ngày 08/11/2012 của Ban quản lý dự án hạ tầng giao thông đô thị thuộc Sở giao thông vận tải TP Đà Nẵng.

(ii) Số tiền 211.658.910 đồng (tiền đền bù vật kiến trúc và cây cối H màu còn lại.

(iii) Số tiền 60.030.000 đồng (do bà Phạm Thị B thối trả)

* Tổng cộng giá trị tài sản thừa kế bà Phạm Thị H được chia là: 751.928.910 (B trăm năm mươi mốt triệu C trăm hai mươi tám ngàn C trăm M đồng)

4. Bà Phạm Thị B được chia thừa kế là 01 lô đất số 09 khu B2.29 đường 5,5m, diện tích 90m^2 (dài 18m rộng 5m), tại đường TM, thuộc khu tái định cư T, phường H, quận S, TP Đà Nẵng (theo tứ cận B giáp đường 5,5m; Nam giáp mương thoát nước; Đông giáp lô số 10; Tây giáp lô số 08), theo biên bản giao nhận đất số 901/BBGĐ ngày 08/11/2012 của Ban quản lý dự án hạ tầng giao thông đô thị thuộc Sở giao thông vận tải TP Đà Nẵng.

Giá trị tài sản thừa kế bà Phạm Thị B được chia (03 kỷ phần) là: 90.045.000 đồng.

5. Bà Phạm Thị B phải có nghĩa vụ thối trả tiền chênh lệnh tài sản được chia cho bà Hòa, bà S, bà H1 và bà Đ2, cụ thể:

- Bà Phạm Thị H: 60.030.000 đồng.

- Bà Phạm Thị S: 30.015.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị H1: 30.015.000 đồng.

- Bà Phạm Thị Xuân Đ2: 30.015.000 đồng.

6. Bà Phạm Thị B tiếp tục quản lý số tiền 30.015.000 đồng của bà Phạm Thị S trong thời gian bà S bị tuyên bố mất tích.

7. Bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị B có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở theo quy định của pháp luật.

8. Buộc bà Phạm Thị B phải trả cho bà Phạm Thị H 527.373 đồng, bà Phạm Thị S (do bà Phạm Thị B nộp thay), bà Nguyễn Thị H1 và bà Phạm Thị Xuân Đ2 mỗi người phải trả cho bà Phạm Thị H 175.791 đồng, lệ phí thẩm định giá tài sản.

9. Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà Phạm Thị H đối với phần di sản tương ứng với số tiền 180.090.000 đồng.

10. Về án phí

10.1.Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phạm Thị H phải chịu: 34.077.156 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.375.000 đồng, theo biên lai thu số 007989 ngày 24/11/2014, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng. Bà H còn phải nộp 30.702.156 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Phạm Thị S phải chịu: 1.500.750 đồng (bà Phạm Thị B nộp thay).

- Bà Phạm Thị B phải chịu: 4.502.250 đồng.

- Bà Phạm Thị Xuân Đ2 phải chịu: 1.500.750 đồng.

- Bà Nguyễn Thị H1 phải chịu: 1.500.750 đồng.

10.2. Án phí dân sư phúc thẩm là 300.000 đồng, bà Phạm Thị H phải chịu, nhưng được khấu trừ vào biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số 0004373 ngày 09.5.2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S

11. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hàn án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

12. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

13. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận
- Các đương sự:
- VKSND TP Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân Q. Ngũ Hành Sơn;
- Chi cục THADS Q. Ngũ Hành Sơn;
-Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Cao Văn Hiếu